

Hạ Long, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
  - Mã chứng khoán : RIC
  - Địa chỉ trụ sở chính : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
  - Điện thoại : 0333.848.777 Fax: 0333.846.728
  - Người thực hiện CBTT : *Đỗ Trí Vỹ*  
Chức vụ : Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 đã kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29 / 03 / 2017 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính năm 2016

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Đỗ Trí Vỹ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI	10 - 30

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016)
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016)

**Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, đồng thời lập báo cáo tài chính chuyển đổi từ báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ nói trên theo quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đỗ Trí Vỹ**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số: 647 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi này đã được Ban Giám đốc Công ty lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận giá trị phải thu tiền đền bù quyền sử dụng đất từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND thành phố Hạ Long với số tiền 164.540.250.000 VND tương đương 7.254.861 USD. Giá trị đền bù quyền sử dụng đất được phê duyệt giảm theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hạ Long ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2016 và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 đính chính Quyết định số 4765/QĐ-UBND về việc nguồn kinh phí sẽ được chi trả từ nguồn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu theo các quyết định này.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính chuyển đổi này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính chuyển đổi đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính chuyển đổi này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200 trong việc công bố ra công chúng và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

### Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập để ngày 28 tháng 3 năm 2017 về báo cáo tài chính đó với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Vũ Đức Nguyên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Xuân Ánh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0723-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>331.810.585.220</b>	<b>309.395.988.000</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>73.052.924.390</b>	<b>39.164.599.320</b>
1. Tiền	111		73.052.924.390	39.164.599.320
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>247.039.209.330</b>	<b>256.931.043.600</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	66.898.072.260	84.054.450.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.681.290.620	12.126.508.680
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	164.602.340.820	172.184.431.320
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(142.494.370)	(11.434.346.880)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>11.506.744.280</b>	<b>13.018.319.160</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.297.430.060	13.798.917.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(790.685.780)	(780.597.840)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>211.707.220</b>	<b>282.025.920</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		211.707.220	282.025.920
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.038.308.877.570</b>	<b>1.039.639.029.000</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>956.298.673.890</b>	<b>974.886.613.800</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	932.987.195.030	946.671.455.400
- Nguyên giá	222		1.218.162.866.550	1.176.605.742.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(285.175.671.520)	(229.934.287.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	23.311.478.860	28.215.158.400
- Nguyên giá	228		101.774.052.330	100.256.310.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.462.573.470)	(72.041.151.600)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>54.956.321.240</b>	<b>35.536.567.440</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	54.956.321.240	35.536.567.440
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.533.212.030</b>	<b>9.411.582.840</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	9.533.212.030	9.411.582.840
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.520.670.410</b>	<b>19.804.264.920</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.777.553.180	9.923.730.960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	594.639.530	2.920.251.840
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.148.477.700	6.960.282.120
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.370.119.462.790</b>	<b>1.349.035.017.000</b>

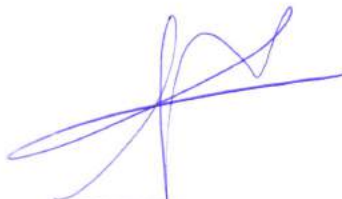
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>317.308.231.510</b>	<b>291.106.490.400</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>180.221.624.000</b>	<b>162.185.055.120</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	9.194.716.870	20.812.785.840
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	18.453.123.200	377.036.880
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	13.751.763.650	18.994.876.560
4. Phải trả người lao động	314		18.276.942.970	13.599.515.160
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		440.416.480	441.798.720
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	22.557.388.380	19.260.117.360
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	97.547.272.450	88.698.924.600
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>137.086.607.510</b>	<b>128.921.435.280</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	82.862.965.090	59.436.783.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	51.392.870.950	66.317.672.520
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.830.771.470	3.166.979.640
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.052.811.231.280</b>	<b>1.057.928.526.600</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.052.811.231.280</b>	<b>1.057.928.526.600</b>
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		296.746.517.288	283.278.712.801
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(40.192.124.617)	(21.607.024.810)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(21.640.749.310)	(123.933.123.394)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(18.551.375.307)	102.326.098.584
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.370.119.462.790</b>	<b>1.349.035.017.000</b>



Cao Thị Huyền  
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

  
 Nguyễn Linh Chi  
 Kế toán trưởng

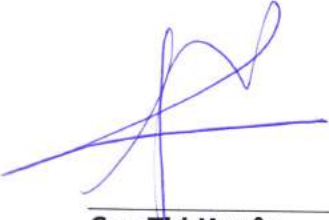
  
 ĐỖ TRI VỸ  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>310.605.567.790</b>	<b>269.213.172.612</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		833.287.429	611.099.546
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		833.287.429	611.099.546
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>309.772.280.361</b>	<b>268.602.073.066</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		235.319.331.235	209.072.347.212
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>74.452.949.126</b>	<b>59.529.725.854</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.400.189.518	13.684.696.306
7. Chi phí tài chính	22	24	21.206.730.022	19.412.754.176
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.820.162.950	16.981.051.146
8. Chi phí bán hàng	25	26	27.132.214.604	29.095.209.998
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	42.817.794.316	64.586.760.420
<b>10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(9.303.600.298)</b>	<b>(39.880.302.434)</b>
11. Thu nhập khác	31		1.953.570.353	147.957.283.854
12. Chi phí khác	32	25	8.863.675.437	7.691.750.430
<b>13. (Lỗ)/Lãi khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.910.105.084)</b>	<b>140.265.533.424</b>
<b>14. Tổng(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(16.213.705.382)</b>	<b>100.385.230.990</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	201.741.126
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	2.337.669.925	(2.142.608.720)
<b>17.(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(18.551.375.307)</b>	<b>102.326.098.584</b>
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(264)	1.454

  
**Cao Thị Huyền**  
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

  
**Nguyễn Linh Chi**  
 Kế toán trưởng



  
**Đỗ Trí Vỹ**  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(16.213.705.382)</b>	<b>100.385.230.990</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	59.735.127.666	57.575.505.326
Các khoản dự phòng	03	(11.688.349.625)	11.096.156.598
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.678.288.501)	(6.337.556.818)
(Lãi)/ Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	(201.694.993)	1.028.022.436
Chi phí lãi vay	06	15.820.162.950	16.981.051.146
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>45.773.252.115</b>	<b>180.728.409.678</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	20.279.868.347	(234.613.900.760)
Thay đổi hàng tồn kho	10	575.250.038	4.506.385.002
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	42.671.564.884	28.312.057.130
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.333.736.526	17.141.505.614
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.754.669.971)	(17.070.180.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(202.903.204)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>94.879.001.939</b>	<b>(21.198.626.876)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(58.946.401.543)	(62.226.996.596)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.394.393.408	119.427.676.952
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(55.552.008.135)</b>	<b>57.200.680.356</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	194.223.195.127	174.900.632.360
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.501.348.047)	(197.947.906.074)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.278.152.920)</b>	<b>(23.047.273.714)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>33.048.840.884</b>	<b>12.954.779.766</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>39.164.599.320</b>	<b>25.233.060.840</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(29.407.764)	(564.726.056)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	868.891.950	1.541.484.770
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61+62)</b>	<b>70</b>	<b>73.052.924.390</b>	<b>39.164.599.320</b>

**Cao Thị Huyền**  
 Người lập biểu

**Nguyễn Linh Chi**  
 Kế toán trưởng



**Đỗ Trữ Vỹ**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khai Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.815 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.560 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi**

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác) được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính chuyển đổi được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 03 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc bằng tiền và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

### **Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

#### Loại hàng tồn kho

Hàng ăn  
Hàng giải khát  
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ  
Vật tư khác

#### Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước  
Bình quân gia quyền  
Giá đích danh  
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp



thời gian là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh

nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	28.896.285.320	36.473.684.280
Tiền gửi ngân hàng	44.156.639.070	2.690.915.040
	<b>73.052.924.390</b>	<b>39.164.599.320</b>

**6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<b>VND</b>			<b>VND</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.533.212.030	-	9.533.212.030	9.411.582.840	-	9.411.582.840
	<b>9.533.212.030</b>	<b>-</b>	<b>9.533.212.030</b>	<b>9.411.582.840</b>	<b>-</b>	<b>9.411.582.840</b>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đại lý Long Bay	30.787.444.050	12.640.519.320
Đại lý Ta Yang Chen	20.873.731.820	13.368.113.880
Tập đoàn giải trí Kim Long	7.043.776.970	-
Khách đoàn Long Bay	3.646.528.440	586.716.240
Đại lý Chúng Phát	2.379.058.180	2.011.185.000
Đại lý Salon	-	46.802.950.920
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.167.532.800	8.644.965.120
	<b>66.898.072.260</b>	<b>84.054.450.480</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Phải thu tiền bồi thường (*)	164.439.616.750	171.584.094.000
Phải thu khác	162.724.070	600.337.320
	<b>164.602.340.820</b>	<b>172.184.431.320</b>

(\*) Bao gồm giá trị phải thu tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất và đền bù khác từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND thành phố Hạ Long, chi tiết như sau:

	<b>VND</b>	<b>USD tương đương</b>
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất phê duyệt lại (i)	164.540.250.000	7.254.861
Các khoản đền bù khác tăng trong năm (ii)	2.804.252.000	123.644
Tiền đã nhận được trong năm	(2.398.483.000)	(105.753)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	(38.277)
<i>Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200</i>	(506.402.250)	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>164.439.616.750</b>	<b>7.234.475</b>

	<b>VND</b>	<b>USD tương đương</b>
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất ban đầu	172.119.334.000	7.589.036
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất phê duyệt lại	164.540.250.000	7.254.861
<b>Chênh lệch ghi nhận chi phí khác</b>	<b>7.579.084.000</b>	<b>334.175</b>
Các khoản đền bù khác tăng trong năm	2.804.252.000	123.644
Chi phí phát sinh tương ứng (tiền thuê kho)	1.200.000.000	52.910
<b>Chênh lệch ghi nhận giảm chi phí khác</b>	<b>1.604.252.000</b>	<b>70.734</b>
<i>Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200</i>	51.887.997	-
<b>Chi phí khác (trình bày tại Thuyết minh số 25)</b>	<b>5.922.944.003</b>	<b>263.441</b>

(i) Giá trị đền bù quyền sử dụng đất được phê duyệt lại là 164.540.250.000 VND theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 đính chính Quyết định số 4765/QĐ-UBND về việc nguồn kinh phí sẽ được chi trả từ nguồn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh. Các Quyết định này thay thế cho Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 và thu hồi các văn bản trước đây liên quan tới giá trị đền bù quyền sử dụng đất đã công bố là 172.119.334.000 VND.

(ii) Trong năm, Công ty nhận được thêm quyết định về các khoản đền bù, hỗ trợ cho các hạng mục tài sản khác trong Công viên là khoảng 2,8 tỷ VND.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền đền bù này sẽ được chuyển cho Công ty trong năm 2017, do đó Công ty ghi nhận trên khoản mục phải thu khác ngắn hạn là phù hợp.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính chuyển đổi này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.293.579.670	(62.234.740)	8.915.367.120	(61.440.720)
Hàng hóa	5.003.850.390	(728.451.040)	4.883.549.880	(719.157.120)
	<b>12.297.430.060</b>	<b>(790.685.780)</b>	<b>13.798.917.000</b>	<b>(780.597.840)</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	848.235.433.320	256.054.537.200	24.400.964.280	15.175.768.080	32.739.039.960	1.176.605.742.840
Tăng do mua sắm	-	831.781.620	6.551.990.690	2.957.104.810	378.931.830	10.719.808.950
Tăng từ XDCB hoàn thành	12.667.338.080	6.419.406.600	-	-	-	19.086.744.680
Thanh lý trong năm	-	-	3.455.119.110	-	-	3.455.119.110
Chênh lệch tỷ giá	10.962.044.370	3.309.082.700	315.342.230	196.121.780	423.098.110	15.205.689.190
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>871.864.815.770</b>	<b>266.614.808.120</b>	<b>27.813.178.090</b>	<b>18.328.994.670</b>	<b>33.541.069.900</b>	<b>1.218.162.866.550</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	97.824.105.720	101.389.709.520	11.072.479.440	6.660.281.760	12.987.711.000	229.934.287.440
Khấu hao trong năm	20.027.107.510	23.144.754.310	2.564.898.660	3.047.729.320	6.116.483.890	54.900.973.690
Thanh lý trong năm	-	-	2.631.111.150	-	-	2.631.111.150
Chênh lệch tỷ giá	1.264.215.270	1.310.294.820	143.093.540	86.073.160	167.844.750	2.971.521.540
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>119.115.428.500</b>	<b>125.844.758.650</b>	<b>11.149.360.490</b>	<b>9.794.084.240</b>	<b>19.272.039.640</b>	<b>285.175.671.520</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày cuối năm	<b>752.749.387.270</b>	<b>140.770.049.470</b>	<b>16.663.817.600</b>	<b>8.534.910.430</b>	<b>14.269.030.260</b>	<b>932.987.195.030</b>
Tại ngày đầu năm	<b>750.411.327.600</b>	<b>154.664.827.680</b>	<b>13.328.484.840</b>	<b>8.515.486.320</b>	<b>19.751.328.960</b>	<b>946.671.455.400</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 863.686.629.960 VND (31 tháng 12 năm 2015: 897.197.426.400 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 38.306.414.400 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 37.026.762.960 VND).

**11. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	98.607.373.920	1.648.936.080	100.256.310.000
Tăng trong năm	-	222.094.830	222.094.830
Chênh lệch tỷ giá	1.274.337.720	21.309.780	1.295.647.500
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>99.881.711.640</b>	<b>1.892.340.690</b>	<b>101.774.052.330</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	70.592.761.800	1.448.389.800	72.041.151.600
Khấu hao trong năm	5.405.421.300	84.987.470	5.490.408.770
Chênh lệch tỷ giá	912.295.050	18.718.050	931.013.100
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>76.910.478.150</b>	<b>1.552.095.320</b>	<b>78.462.573.470</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày cuối năm	<b>22.971.233.490</b>	<b>340.245.370</b>	<b>23.311.478.860</b>
Tại ngày đầu năm	<b>28.014.612.120</b>	<b>200.546.280</b>	<b>28.215.158.400</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.402.781.950 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 296.544.600 VND).

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Biến động trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	35.536.567.440	24.877.575.580
Tăng trong năm	41.197.488.560	41.614.778.040
Kết chuyển sang tài sản cố định	(19.086.744.680)	(8.181.466.920)
Ghi giảm do bàn giao	-	(19.346.331.840)
Giảm khác	(3.150.241.620)	(4.661.393.880)
Chênh lệch tỷ giá	459.251.540	1.233.406.460
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>54.956.321.240</b>	<b>35.536.567.440</b>

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	42.346.262.760	33.667.539.840
- Chi phí thiết kế dự án mới	5.707.162.050	-
- Sửa chữa	4.939.751.790	1.729.428.360
- Chi phí thiết kế công trình đang thi công	1.963.144.640	139.599.240
	<b>54.956.321.240</b>	<b>35.536.567.440</b>
Chi tiết xây dựng cơ bản		
- Khu nhà đa năng	40.713.657.780	24.371.186.400
- Khu cầu lạc bộ	1.632.604.980	-
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	-	8.033.183.400
- Khu văn phòng	-	1.263.170.040

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Tổng VND
	VND	VND	
Tại ngày đầu năm	<b>633.391.440</b>	<b>2.286.860.400</b>	<b>2.920.251.840</b>
Ghi nhận trong năm	(74.598.594)	(2.263.071.331)	(2.337.669.925)
Chênh lệch tỷ giá	7.365.994	4.691.621	12.057.615
Tại ngày cuối năm	<b>566.158.840</b>	<b>28.480.690</b>	<b>594.639.530</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dự Thành	1.525.955.820	1.525.955.820	298.317.360	298.317.360
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	1.273.266.410	1.273.266.410	1.273.268.040	1.273.268.040
Doanh nghiệp Tư nhân Hà Việt	-	-	4.035.744.240	4.035.744.240
Công ty TNHH Xây dựng Điều Đức Phước Thành	-	-	5.263.863.000	5.263.863.000
Phải trả cho các đối tượng khác	6.395.494.640	6.395.494.640	9.941.593.200	9.941.593.200
<b>Cộng</b>	<b>9.194.716.870</b>	<b>9.194.716.870</b>	<b>20.812.785.840</b>	<b>20.812.785.840</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Quốc tế Điều Doanh (*)	18.272.487.890	-
Khác	180.635.310	377.036.880
	<b>18.453.123.200</b>	<b>377.036.880</b>

(\*) Giá trị ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng - xem thêm tại Thuyết minh số 30 về Cam kết cho thuê hoạt động.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.187.497.000	26.517.909.040	(33.428.397.290)	118.733.250	2.395.742.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	696.265.360	(696.265.360)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.822.952.000	39.018.818.060	(34.374.238.050)	36.482.000	7.504.014.010
Thuế nhập khẩu	-	998.483.440	(998.483.440)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	621.430.920	4.415.302.500	(4.665.377.960)	8.030.970	379.386.430
Thuế khác	6.362.996.640	564.022.220	(3.536.628.890)	82.231.240	3.472.621.210
<b>Cộng</b>	<b>18.994.876.560</b>	<b>72.210.800.620</b>	<b>(77.699.390.990)</b>	<b>245.477.460</b>	<b>13.751.763.650</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	549.997.810	-
- Đại lý Long Bay	149.995.270	-
- Đại lý Kim Long	400.002.540	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.007.390.570	19.260.117.360
+ Chíp trôi nổi	13.650.569.690	4.284.222.360
+ Bảo hành xây dựng	4.730.567.600	6.027.989.880
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	150.063.460	8.069.401.560
+ Khác	3.476.189.820	878.503.560
<b>Cộng</b>	<b>22.557.388.380</b>	<b>19.260.117.360</b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	82.862.965.090	59.365.760.520
- Đại lý Đại Dương Thành	34.095.000.000	33.660.000.000
- Đại lý Long Bay	26.037.965.090	25.705.760.520
- Đại lý Kim Long	22.730.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	71.022.600
<b>Cộng</b>	<b>82.862.965.090</b>	<b>59.436.783.120</b>

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm VND		Trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	43.759.907.400	43.759.907.400	121.061.730.210	106.251.839.600	59.135.322.660	59.135.322.660
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	28.939.027.920	28.939.027.920	73.730.937.560	80.939.211.540	22.104.743.160	22.104.743.160
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	15.999.989.280	15.999.989.280	17.346.126.740	17.245.682.870	16.307.206.630	16.307.206.630
	<b>88.698.924.600</b>	<b>88.698.924.600</b>	<b>212.138.794.510</b>	<b>204.436.734.010</b>	<b>97.547.272.450</b>	<b>97.547.272.450</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,64 triệu USD (tỷ giá 22.730 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 31 tháng 10 năm 2017. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và một số tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND tương đương 1,32 triệu USD (tỷ giá 22.730 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 29 tháng 4 năm 2017. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm VND		Trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	66.317.672.520	66.317.672.520	-	16.857.045.330	50.317.673.760	50.317.673.760
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	-	-	1.564.278.600	489.081.410	1.075.197.190	1.075.197.190
	<b>66.317.672.520</b>	<b>66.317.672.520</b>	<b>1.564.278.600</b>	<b>17.346.126.740</b>	<b>51.392.870.950</b>	<b>51.392.870.950</b>



(i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,48 triệu USD (tỷ giá 22.730 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2015: 170 tỷ VND).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với số tiền là 1,54 tỷ VND tương đương 67,58 nghìn USD (tỷ giá 22.730 VND/USD), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 8,8%/năm trong năm đầu tiên và trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam + biên 2,8%/năm từ năm thứ 2 trở đi. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng xe ô tô khách 29 chỗ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Trong vòng một năm	16.307.206.630	15.999.989.280
Trong năm thứ hai	16.307.206.630	15.999.989.280
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	35.085.664.320	47.999.990.280
Sau năm năm	-	2.317.692.960
	<b>67.700.077.580</b>	<b>82.317.661.800</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 18)	(16.307.206.630)	(15.999.989.280)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>51.392.870.950</b>	<b>66.317.672.520</b>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<b>Vốn điều lệ VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quý đầu tư phát triển VND</b>	<b>(Lỗ) lũy kế VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(123.900.234.394)	235.852.561.565	908.209.165.780
Lãi nhuận trong năm	-	-	-	102.326.098.584	-	102.326.098.584
Thu lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(32.889.000)	-	(32.889.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	47.426.151.236	47.426.151.236
Số dư cuối năm trước	<b>703.687.540.000</b>	<b>81.363.105.200</b>	<b>11.206.193.409</b>	<b>(21.607.024.810)</b>	<b>283.278.712.801</b>	<b>1.057.928.526.600</b>
Số dư đầu năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(21.607.024.810)	283.278.712.801	1.057.928.526.600
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(18.551.375.307)	-	(18.551.375.307)
Thu lao Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(33.724.500)	-	(33.724.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	13.467.804.487	13.467.804.487
Số dư cuối năm nay	<b>703.687.540.000</b>	<b>81.363.105.200</b>	<b>11.206.193.409</b>	<b>(40.192.124.617)</b>	<b>296.746.517.288</b>	<b>1.052.811.231.280</b>

(i) Thủ lao Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 2016/NQ-ĐHCĐNK ngày 25 tháng 6 năm 2016.

**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Cổ phiếu được duyệt</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn đầu tư và vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2015: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối năm			Số đầu năm		
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Cầu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:
  - Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia:
  - Cho thuê phòng biệt thự và dịch vụ liên quan
- Khu Ca múa nhạc dân tộc:
  - Trình diễn ca múa nhạc dân tộc có thu phí
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long:
  - Cho thuê phòng khách sạn và dịch vụ liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỐI (Tiếp theo)**

MÀU SỐ B 09-DN

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

**Năm nay**

	Câu lạc bộ VND	Biệt thự VND	Ca múa nhạc dân tộc VND	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long VND	Bù trừ VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	87.645.973.526	38.204.777.342	43.754.660.926	140.166.868.567	-	309.772.280.361
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	19.137.889.328	6.231.613.110	438.058.772	35.746.621.020	-	61.554.182.230
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(77.018.933.916)</b>	<b>9.604.850.015</b>	<b>26.544.306.637</b>	<b>31.566.176.966</b>	-	<b>(9.303.600.298)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	12.398.992.289	3.046.334.085	5.115.287.194	13.607.633.403	-	34.168.246.971
5. Tài sản bộ phận	279.806.163.620	198.089.495.160	374.883.980.680	685.544.937.340	(583.207.340.120)	955.117.236.680
6. Tài sản không phân bổ	<b>279.806.163.620</b>	<b>198.089.495.160</b>	<b>374.883.980.680</b>	<b>685.544.937.340</b>	-	415.002.226.110
7. Nợ phải trả bộ phận	310.577.992.160	47.065.692.660	19.674.633.400	472.781.908.840	(583.207.340.120)	<b>1.370.119.462.790</b>
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	266.892.886.940
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>310.577.992.160</b>	<b>47.065.692.660</b>	<b>19.674.633.400</b>	<b>472.781.908.840</b>	<b>(583.207.340.120)</b>	<b>317.308.231.510</b>

**Năm trước**

	Câu lạc bộ VND	Biệt thự VND	Ca múa nhạc dân tộc VND	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long VND	Bù trừ VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	32.741.723.058	53.663.095.664	51.275.222.708	130.922.031.636	-	268.602.073.066
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	16.519.028.886	11.810.333.120	488.024.084	29.268.951.183	-	58.086.337.274
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(88.329.855.744)</b>	<b>21.855.749.096</b>	<b>35.270.317.082</b>	<b>(8.676.512.868)</b>	-	<b>(39.880.302.434)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	10.996.108.260	2.037.977.848	-	6.006.561.922	-	19.040.648.030
5. Tài sản bộ phận	268.916.135.400	171.525.211.440	351.332.869.800	728.361.940.680	(568.561.651.680)	951.574.505.640
6. Tài sản không phân bổ	<b>268.916.135.400</b>	<b>171.525.211.440</b>	<b>351.332.869.800</b>	<b>728.361.940.680</b>	-	397.460.511.360
7. Nợ phải trả bộ phận	221.409.264.120	32.066.513.160	20.886.994.920	547.813.807.200	(568.561.651.680)	<b>1.349.035.017.000</b>
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	253.614.927.720
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>221.409.264.120</b>	<b>32.066.513.160</b>	<b>20.886.994.920</b>	<b>547.813.807.200</b>	<b>(568.561.651.680)</b>	<b>291.106.490.400</b>

11/21/2011 10:11:11 AM

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thực phẩm và đồ uống	14.749.904.701	14.299.216.527
Chi phí nhân công	166.578.458.055	124.909.882.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.735.127.666	57.575.505.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	64.205.849.733	105.969.713.685
	<b>305.269.340.155</b>	<b>302.754.317.630</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.279.666	83.735.394
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.141.120.161	11.254.769.282
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.238.789.691	2.346.191.630
	<b>7.400.189.518</b>	<b>13.684.696.306</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	15.820.162.950	16.981.051.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.386.567.072	2.431.703.030
	<b>21.206.730.022</b>	<b>19.412.754.176</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giảm tiền bồi thường công viên Hoàng Gia (i)	5.922.944.003	-
Phạt theo quyết toán với cơ quan thuế	-	2.593.451.132
Khác	2.940.731.434	5.098.299.298
	<b>8.863.675.437</b>	<b>7.691.750.430</b>

(i) Phản ánh Giá trị bồi thường quyền sử dụng đất công viên Hoàng Gia giảm trong năm sau khi đã bù trừ với giá trị thu hồi trong năm của các hạng mục khác của Công viên. Xem thêm tại Thuyết minh số 8.

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	16.236.570.593	13.552.877.194
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.562.546.017	7.552.651.886
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.161.291.916	1.113.796.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.820.111.265	2.361.452.126
Các chi phí bằng tiền khác	6.351.694.813	4.514.431.844
	<b><u>27.132.214.604</u></b>	<b><u>29.095.209.998</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	35.634.003.673	33.618.741.132
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.520.143.079	2.072.445.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.087.997.336	1.564.442.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.714.863.838	4.938.699.944
Các chi phí bằng tiền khác	10.317.044.006	22.392.431.798
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(11.456.257.616)	-
	<b><u>42.817.794.316</u></b>	<b><u>64.586.760.420</u></b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	74.598.594	(2.214.504.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.263.071.331	71.895.354
<b>Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b><u>2.337.669.925</u></b>	<b><u>(2.142.608.720)</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(16.213.705.382)</b>	<b>100.385.230.990</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	18.392.442.980	6.574.993.472
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.718.869.190	17.266.637.296
Chuyển lỗ	-	111.076.874.814
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>(31.887.279.172)</b>	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	201.741.126
<b>Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.337.669.925</b>	<b>(2.142.608.720)</b>

**28. (LỖ) /LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(18.551.375.307)	102.326.098.584
(Lỗ)/Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(18.551.375.307)	102.326.098.584
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(264)</b>	<b>1.454</b>

**29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
VND	3.552.494.453	3.290.971.442
KRW	1.639.000	610.000
JMP	164.554	-
NTD	88.200	-
HKD	21.100	13.870
JPY	20.000	30.000
THB	6.500	6.000
SGD	100	100
AUD	-	300
TWD	-	45.200
RMP	-	67.853

**30. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

**Cam kết đầu tư**

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giá trị đã đầu tư là 40.850.628.760 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 63.653.595.720 VND.

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh về việc cho thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 02 năm 2026. Tại ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận với Diệu Doanh, theo đó, thời hạn cho thuê sẽ tính từ thời điểm Công ty bàn giao nhà cho Diệu Doanh, giá trị hợp đồng và các điều khoản khác không thay đổi.

***Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định***

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 30.152.617.880 VND (31 tháng 12 năm 2015: 25.485.915.840 VND).

***Cam kết trả tiền thuê đất***

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp  
Bà Nguyễn Tiểu Mai

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	171.567.773	83.384.578
Cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn và ăn uống cho Bà Nguyễn Tiểu Mai	82.377.712	3.639.716

***Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:***

	<u>Năm nay</u> <b>VND</b>	<u>Năm trước</u> <b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.733.416.817	1.552.821.246

***Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:***

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	62.052.900	234.026.760

**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 9.858.091.920 VND (năm 2015: 14.324.282.280 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 15.040.509.190 VND (năm 2015: 12.081.090.120 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty đã quyết định sát nhập 03 bộ phận kinh doanh của Công ty là khách sạn Hoàng Gia Hạ Long, Biệt thự và Ca múa nhạc dân tộc, theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 Công ty sẽ chỉ gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự.



**Cao Thị Huyền**  
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2017



**Nguyễn Linh Chi**  
Kế toán trưởng

